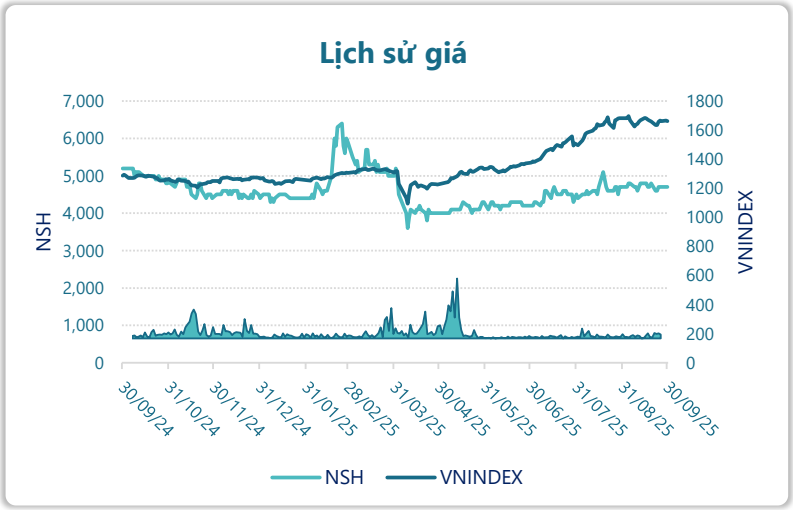
FireAnt

CTCP Tập đoàn Nhôm Sông Hồng Shalumi (HNX: NSH)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**4,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,600
SL cổ phiếu LH	20,693,437
KLGD BQ 20 phiên (CP)	62,725
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	97
P/E	46.2
EPS	102

DT thuần

Q3/25

299

tỷ VNĐ

QoQ: ▼27.0| -8.2%

YoY: ▲ 18.0| 6.5%

LN sau thuế

Q3/25

0.39

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.36| -47.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.9%

DT thuần

9T 2025

810

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 163| 25.2%

LN sau thuế

9T 2025

1.78

tỷ VNĐ

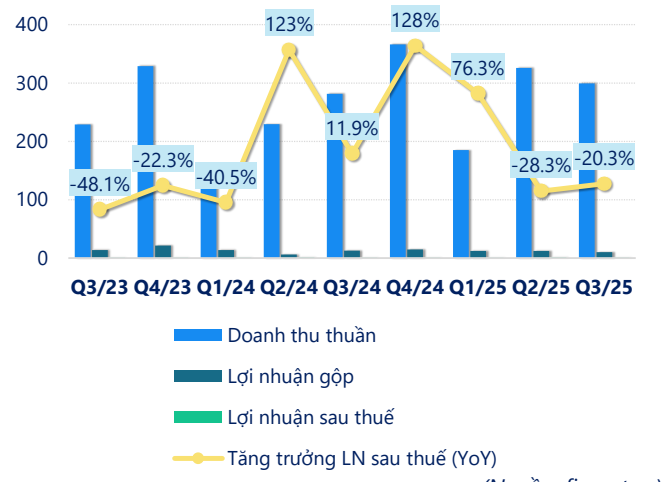
YoY: ▲ 0.22| 13.9%

ROE

Q3/25

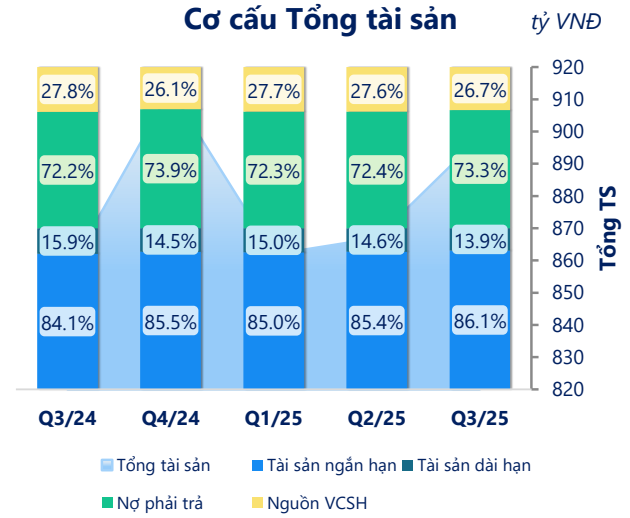
0.9%

Kết quả kinh doanh



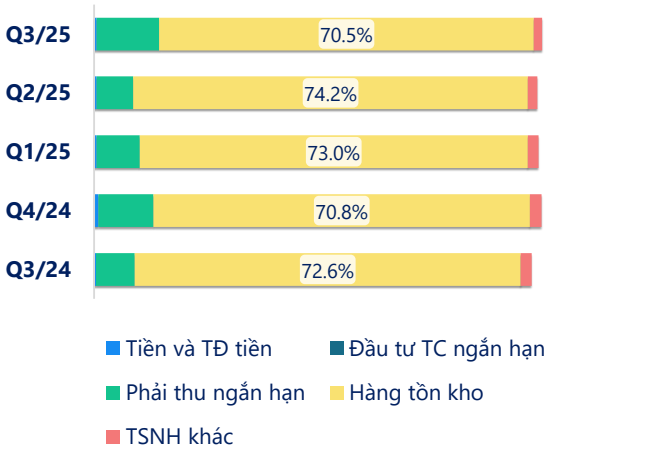
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



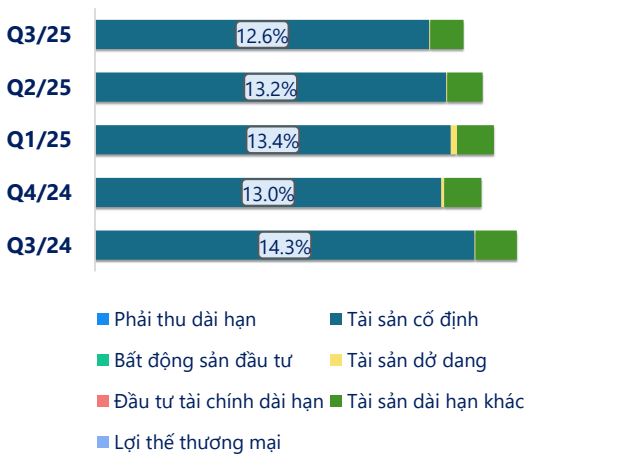
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



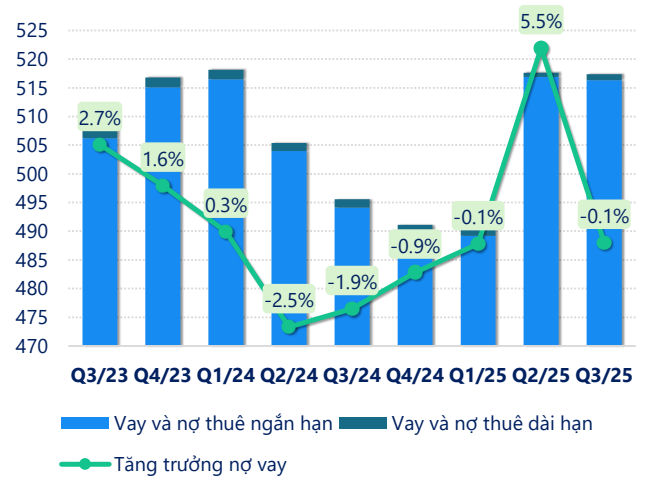
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



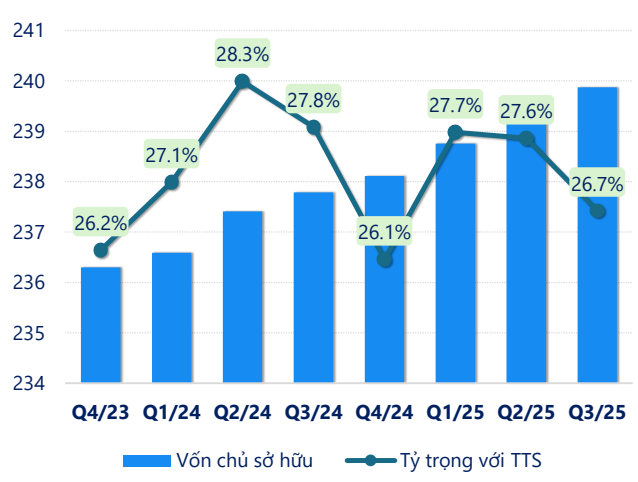
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



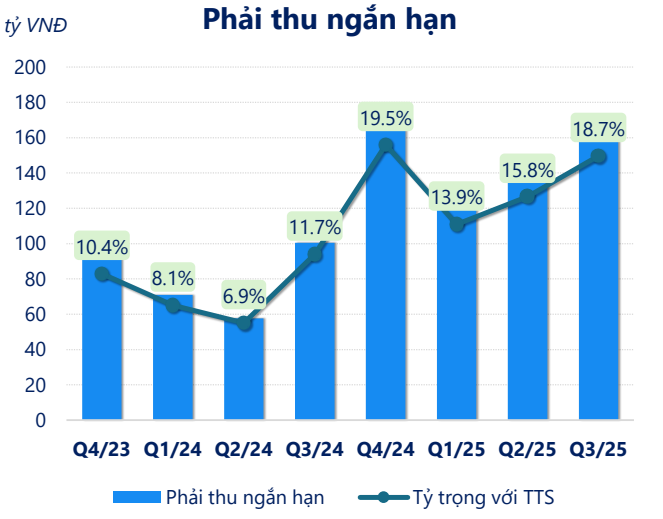
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



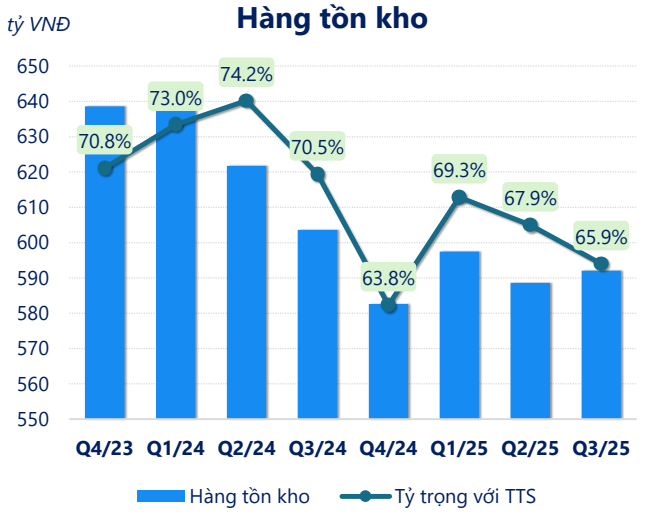
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



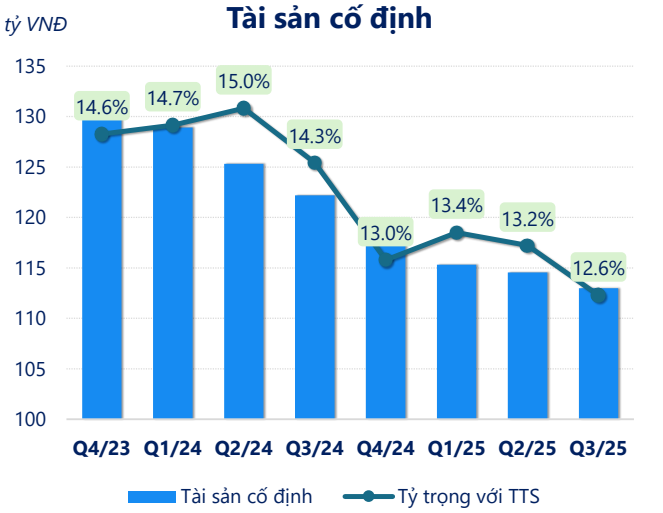
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



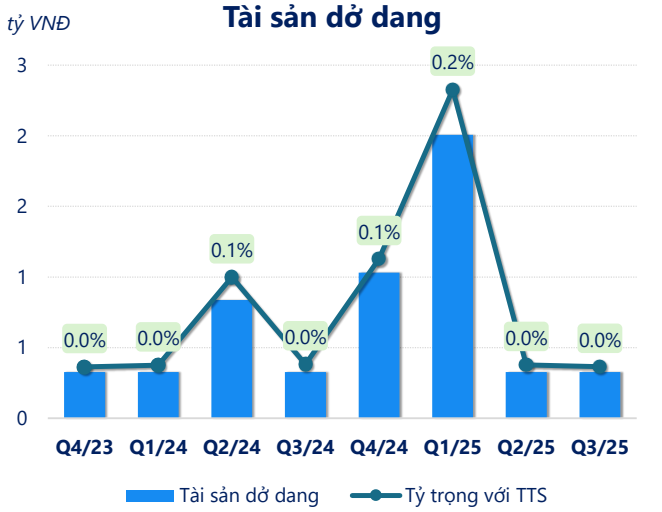
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



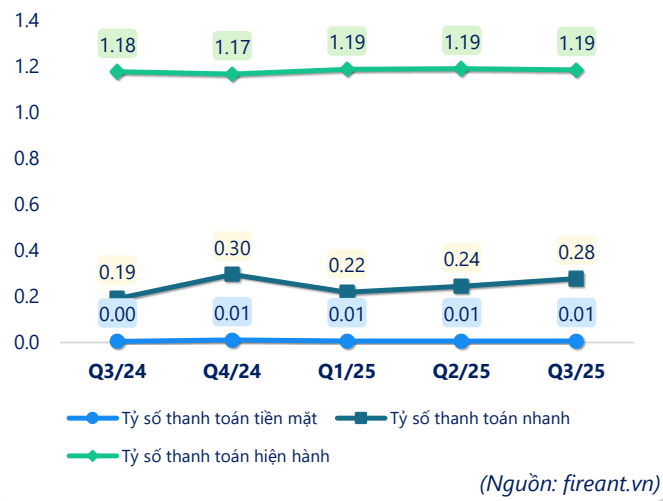
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



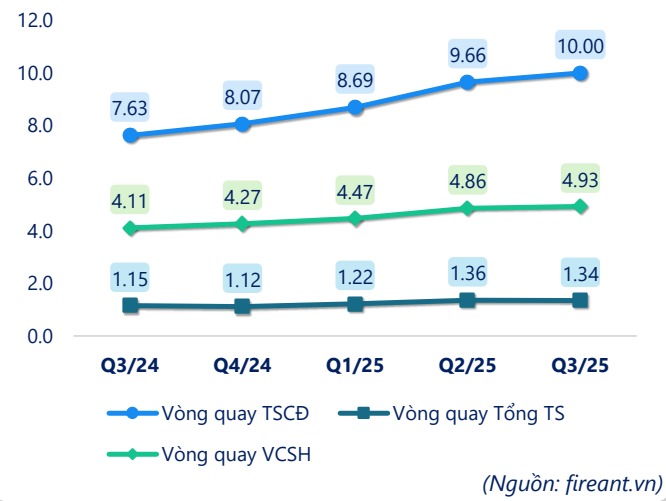
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**856**	**913**	**862**	**867**	**898**
Tài sản ngắn hạn	**720**	**780**	**733**	**741**	**774**
Tiền và tương đương tiền	2.94	7.46	3.84	4.19	4.49
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	100	178	119	137	168
Hàng tồn kho	604	583	597	589	592
Tài sản ngắn hạn khác	13.5	12.3	11.9	10.6	9.06
Tài sản dài hạn	**136**	**133**	**129**	**126**	**125**
Phải thu dài hạn	0.03	0	0	0	0
Tài sản cố định	122	119	115	115	113
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.33	1.03	2.01	0.33	0.33
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	13.4	12.7	12.0	11.5	11.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**619**	**675**	**623**	**627**	**658**
Nợ ngắn hạn	**612**	**669**	**617**	**622**	**653**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	494	490	489	517	516
Phải trả người bán ngắn hạn	108	159	106	88.4	115
Nợ dài hạn	6.55	6.22	6.13	5.44	5.57
Vay và nợ thuê dài hạn	1.46	1.45	1.43	0.75	1.01
Nguồn vốn chủ sở hữu	**238**	**238**	**239**	**240**	**240**
Vốn chủ sở hữu	**238**	**238**	**239**	**240**	**240**
Vốn điều lệ	207	207	207	207	207
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)